

Số: 51/NHCSXH - TB

Hoàn Kiếm, ngày 23 tháng 04 năm 2021

THÔNG BÁO

Về các nội dung tín dụng chính sách đang triển khai
trên địa bàn quận Hoàn Kiếm

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Căn cứ văn bản số 3111/NHCS-KHNV ngày 31/3/2021 của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về việc tập trung nguồn vốn tạm thời nhân rồi gửi vào NHCSXH.

NHCSXH Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm thông báo một số thông tin về các chương trình tín dụng chính sách và huy động tiền gửi từ các tổ chức và cá nhân trên địa bàn quận Hoàn Kiếm như sau:

I. Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

1. Đối tượng được vay vốn

Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, cư trú hợp pháp tại địa phương.

2. Mức cho vay: Căn cứ vào nhu cầu vay, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của người lao động, tối đa không quá 100 triệu đồng/01 lao động.

3. Thời hạn cho vay: Không quá 120 tháng (10 năm). Thời hạn vay vốn cụ thể do NHCSXH và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

4. Lãi suất cho vay: 0,66%/ tháng (7,92%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Người khuyết tật được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay.

5. Phương thức cho vay:

Cho vay thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại tổ dân phố, không phải thế chấp tài sản, không nộp bất cứ khoản phí nào liên quan đến thủ tục vay vốn.

II. Chương trình cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc sửa chữa cải tạo nhà để ở

1. Đối tượng vay vốn:

- Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;
- Người thu nhập thấp và hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định của Chính phủ) tại khu vực đô thị;
- Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

(Các đối tượng phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật)

2. Điều kiện vay vốn:

- Có đủ vốn tự có tối thiểu 20% giá trị Hợp đồng mua bán/Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội đối với vay vốn để mua/thuê mua nhà ở; tối thiểu 30% giá trị dự toán hoặc phương án tính toán giá thành đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo nhà để ở;

- Thực hiện đảm bảo tiền vay theo quy định:

+ Đối với vay để mua, thuê mua nhà ở xã hội: Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật.

+ Đối với vay để xây mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Bảo đảm tiền vay bằng giá trị quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Mức cho vay:

- Trường hợp mua, thuê mua nhà ở xã hội: Tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội.

- Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản đảm bảo tiền vay.

4. Thời hạn cho vay: Tối đa không quá 25 năm từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

5. Lãi suất cho vay: do Chính phủ quy định từng thời kỳ, hiện nay là 4,8% năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

6. Phương thức cho vay:

Cho vay thông qua Tổ TK&VV tại tổ dân phố, không nộp bất cứ khoản phí nào liên quan đến thủ tục vay vốn.

III. Huy động tiền gửi từ tổ chức và cá nhân

Để có thêm nguồn vốn cho vay đối với các đối tượng chính sách, cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn quận, góp phần giảm áp lực cho ngân sách nhà nước, NHCSXH phối hợp với Hội đoàn thể các cấp, UBND phường tuyên truyền thực hiện huy động tiền gửi từ dân cư và tổ chức, cụ thể như sau:

1. Mục đích, ý nghĩa của hoạt động gửi tiền vào NHCSXH

- Theo điều 4 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ, NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán. NHCSXH được Chính phủ giao nhiệm vụ huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tiếp nhận các nguồn vốn của Chính phủ và UBND các cấp, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, các hiệp hội, cá nhân... để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Hoạt động gửi tiền tiết kiệm vào NHCSXH thể hiện tính nhân văn sâu sắc, vừa huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân, mức tiền gửi tiết kiệm tối thiểu thấp (500.000 đồng /sô) giúp cho người dân nghèo hoặc người thu nhập thấp cũng có thể gửi tiền và giúp NHCSXH có thêm nguồn vốn cho vay đối với các đối tượng chính sách và giải quyết việc làm trên địa bàn.

2. Cách thức triển khai

- NHCSXH thực hiện huy động tiết kiệm (gồm nhận tiền tiết kiệm và chi trả tiết kiệm) tại điểm giao dịch vào các ngày làm việc theo lịch cố định hàng tháng tại UBND phường hoặc vào tất cả các ngày làm việc trong tháng tại trụ sở ngân hàng.

- Lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng lãi suất cùng kỳ hạn cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước trên địa bàn (Có Bảng lãi suất đính kèm).

Nơi nhận:

- Ban đại diện HĐQT NHCSXH quận;
- Ủy ban MTTQ quận;
- Hội Chữ thập đỏ quận;
- UBND 18 phường;
- Hội LH Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường;
- Lưu VT.



Lê Thị Thanh Thủy

BẢNG LÃI SUẤT

Áp dụng từ ngày 04 tháng 12 năm 2020

I. CHƯƠNG TRÌNH TIỀN GỬI TIẾT KIỆM THÔNG THƯỜNG

STT	Kỳ hạn / Loại hình tiền gửi	Trả lãi cuối kỳ (%/năm)	Trả lãi định kỳ hàng tháng (%/ năm)	Trả lãi đầu kỳ (%/năm)
1	Tiền gửi thanh toán, Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	0.1	0.1	0.1
2	Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng	3.10	-	-
3	Tiền gửi kỳ hạn 02 tháng	3.10	-	-
4	Tiền gửi kỳ hạn 03 tháng	3.40	3.39	3.37
5	Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 06 tháng	3.40	-	-
7	Tiền gửi kỳ hạn 06 tháng	4.00	3.96	3.92
8	Tiền gửi kỳ hạn trên 06 tháng đến 09 tháng	4.00	-	-
9	Tiền gửi kỳ hạn 09 tháng	4.00	3.94	3.88
10	Tiền gửi kỳ hạn trên 09 tháng đến 12 tháng	4.00	-	-
13	Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	5.60	5.46	5.30
14	Tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng đến 24 tháng	5.60	-	-
15	Tiền gửi kỳ hạn 24 tháng	5.60	5.32	5.03
16	Tiền gửi kỳ hạn 36 tháng	5.60	5.18	4.79

II. CHƯƠNG TRÌNH TIỀN GỬI TIẾT KIỆM GỬI GÓP LINH HOẠT

STT	Thời hạn (Tháng)	Lãi suất	Lãi suất hiện hành (% năm)
1	06, 09, 12 tháng	Tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ của kỳ hạn 01 tháng.	3.10
2	18, 24, 36, 48, 60 tháng	Tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ của kỳ hạn 06 tháng.	4.00